

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2138* /BT-TT-VP
V/v cung cấp thông tin phục vụ
đại biểu Quốc hội

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Bộ Thông tin và Truyền thông (TT-TT) nhận được Phiếu chuyển số 795/PC-VPCP ngày 20/5/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc cung cấp thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội theo yêu cầu tại công văn số 3609/TTKQH-TV ngày 18/5/2020 của Tổng Thư ký Quốc hội, qua nghiên cứu, tổng hợp, Bộ TT-TT xin cung cấp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả triển khai xây dựng Chính phủ điện tử (CPĐT), chính quyền điện tử, các cơ sở dữ liệu quốc gia và mô hình thành phố thông minh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ XÂY DỰNG CPĐT, CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

1. Về dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông, nguồn nhân lực

1.1. Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

Theo số liệu báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, tính đến tháng 4/2020 việc triển khai DVCTT trên cả nước đã đạt được các kết quả như sau:

- Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 đạt 31,50%;
- Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 đạt 13,30%;
- Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ đạt 25,30%;
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 19,21%.

1.2. Hạ tầng viễn thông

Bộ TT-TT đã chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cấp, mở rộng mạng lưới, vùng phục vụ. Qua đó, hạ tầng viễn thông tiếp tục được tăng cường, phát triển. Một số chỉ tiêu phát triển như: Cáp quang đã đạt trên 1 triệu km (tăng 20% so với năm 2018), số trạm thu phát sóng di động đạt hơn 286.000 trạm (tăng 11% so với năm 2018), mạng di động băng rộng tốc độ cao (3G, 4G) đã phủ sóng tới hơn 99% dân số (vượt chỉ tiêu đến năm 2020 đảm bảo tối thiểu 95% các khu vực dân cư được phủ sóng 3G/4G theo Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng đến năm 2020), dung lượng kết nối quốc tế đạt 13 Tbit/s (tăng 20% so với năm 2018); số thuê bao băng rộng cố định đạt hơn 15,55 triệu thuê bao, tương đương gần 57,39% hộ gia

đình đã được tiếp cận và sử dụng dịch vụ băng rộng cố định (vượt xa so với mục tiêu ít nhất 40% số hộ gia đình theo Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng đến năm 2020).

a) Số liệu các chỉ số Hạ tầng viễn thông Việt Nam đến hết Quý I/2020

TT	Chỉ tiêu	Quý I/2020
1	Tỷ lệ người sử dụng Internet (% dân số)	71
2	Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân	3,67
3	Số thuê bao di động/100 dân	130,7
4	Số thuê bao băng thông rộng cố định (có dây)/100 dân	16,16
5	Số thuê bao băng rộng không dây/100 dân	65,78

Dân số tính là 96,48 triệu người (Nguồn Tổng Cục Thống kê)

b) Kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số hạ tầng viễn thông

- Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng ICT, bảo đảm kết nối tốc độ cao liên tục, toàn diện, rộng khắp; hỗ trợ kết nối vạn vật; tạo lập nền tảng hạ tầng cho kinh tế số, xã hội số.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông hoàn tất quá trình thử nghiệm, đẩy nhanh việc thương mại hóa và đầu tư vào mạng 5G; tiếp tục mở rộng mạng cáp quang băng rộng với mục tiêu kép: Vừa nâng cao khả năng phục vụ xã hội, vừa kích cầu xã hội, thúc đẩy công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông trong nước.

- Phát triển các dịch vụ thanh toán điện tử, tài chính điện tử, tài chính toàn diện nhằm thúc đẩy thương mại điện tử, sàn giao dịch hàng hoá nông nghiệp; thúc đẩy DVCTT.

- Thúc đẩy chương trình chuyển đổi máy 2G lên máy smartphone (hỗ trợ 4G/5G) thông qua một số giải pháp như hạn chế nhập khẩu máy 2G; thúc đẩy sản xuất máy smartphone Make In Vietnam giá rẻ.

1.3. Nguồn nhân lực

Theo số liệu báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quý I/2020:

STT	Tiêu chí	Số liệu (năm 2019)	Ghi chú
1	Adult literacy (%) (<i>tạm dịch: Tỷ lệ người lớn biết đọc, biết viết</i>)	95,8%	Bộ Giáo dục và Đào tạo dẫn nguồn số liệu theo công văn số 1149/TCTKXHMT ngày 19/9/2019 của Tổng cục Thống kê về việc cung cấp thông tin các chỉ số thành phần nguồn nhân lực Việt Nam.
2	Gross enrollment ratio (%) (<i>tạm dịch: Tỷ lệ đăng ký nhập học chung</i>)	Tiểu học: 101% (*) THCS: 92,8% THPT: 72,3%	
3	Expected years of schooling (<i>tạm dịch: Tổng số năm học của một học sinh</i>)	Không có số liệu	
4	Mean years of schooling (<i>tạm dịch: Số năm học trung bình của một người khi đến tuổi trưởng thành</i>)	Không có số liệu	

(*): Các đối tượng học không đúng tuổi ở các vùng khó khăn và một số đối tượng học sớm so với tuổi dẫn đến Tổng số người đi học Tiểu học lớn hơn số dân ở độ tuổi đi học Tiểu học.

Đề nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá CPĐT của Liên hợp quốc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định điều kiện đảm bảo nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; và Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn công tác xóa mù chữ; Nâng chuẩn biết chữ của cá nhân và tiêu chuẩn công nhận đơn vị hành chính các cấp lên mức độ cao hơn; Đẩy mạnh triển khai Đề án xóa mù chữ đến năm 2020; Phối hợp với các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương để củng cố, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn; Hoàn thiện và đưa vào sử dụng thống nhất toàn quốc phần mềm phổ cập giáo dục - xoá mù chữ nhằm đảm bảo thống kê số liệu người mù chữ đầy đủ, chính xác, khoa học và cập nhật hàng năm; Đẩy mạnh công tác xoá mù chữ, linh hoạt tổ chức các lớp học xoá mù chữ, tổ chức tập huấn cho giáo viên tham gia dạy xoá mù chữ, tổ chức hội thảo chuyên đề về các giải pháp xoá mù chữ cho đồng bào các dân tộc thiểu số; Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho các địa phương, các cơ sở giáo dục dựa trên chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh và thực tiễn địa phương; Tích cực triển khai Đề

án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” theo Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hiệu quả trong cải cách bộ máy hành chính nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, tinh giảm biên chế và các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng DVCTT mức độ 3 và mức độ 4

2.1. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước, cải cách thủ tục hành chính

Đã có chuyển biến cơ bản trong việc sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. 100% bộ, ngành, địa phương đã kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia; tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi qua mạng tăng từ 72% năm 2018 lên 86,5% năm 2019 (mục tiêu năm 2020 là 90%). Nguyên nhân chính của sự chuyển biến cơ bản này là việc văn bản điện tử đã ký số gửi nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy và thay thế cho việc gửi, nhận văn bản giấy theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg: Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 19/5/2020, đã có 475.308 văn bản điện tử gửi và 1.395.532 văn bản điện tử nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Các cơ quan đã triển khai gửi, nhận văn bản điện tử không kèm bản giấy theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại văn bản số 11796/VPCP-KSTT ngày 26/12/2019 và theo danh mục tại văn bản số 775/VPCP-KSTT ngày 04/02/2020 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 23/3/2020, Bộ TTTT đã ban hành Quyết định số 395/QĐ-BTTTT ban hành Hướng dẫn về việc sử dụng mã định danh văn bản và Bộ tiêu chí về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Phiên bản 1.0) để hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức sử dụng mã định danh văn bản và xây dựng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành để gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Hiện nay, Bộ TTTT đang triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với các Tổ chức Chính trị - Xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Ngày 09/12/2019, Cổng Dịch vụ công quốc gia được đưa vào vận hành, đây là đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ tra cứu thông tin, giám sát tình trạng giải quyết thủ tục hành chính và tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp chức năng đăng nhập một lần (SSO) để thực hiện thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh, góp phần chuẩn hóa việc cung cấp DVCTT, hạn chế việc đầu tư dàn trải, tăng cường quản lý nhà nước, đánh giá việc giải quyết

thủ tục hành chính. Hệ thống các Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia hỗ trợ nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần hạn chế những nhiễu, tiêu cực trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Từ ngày 09/12/2019 đến ngày 20/5/2020, đã có trên 144.812 tài khoản, trên 37 triệu lượt truy cập, trên 7,9 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, trên 73.917 hồ sơ được thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận hỗ trợ trên 11.637 cuộc gọi; Tiếp nhận trên 5.800 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; Tích hợp được 408 DVCTT mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, từ ngày 12/5/2020, Cổng Dịch vụ công Quốc gia cung cấp thêm 6¹ DVCTT hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, để tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong việc sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ngày 19/5/2020, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ phối hợp với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến “Giới thiệu Cổng Dịch vụ công Quốc gia và các lợi ích giành cho doanh nghiệp”.

Với mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, Hệ thống e-Cabinet đã được đưa vào vận hành, giúp việc tổ chức lấy ý kiến các thành viên Chính phủ trên môi trường mạng và góp phần rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí in ấn, sao chụp tài liệu giấy các cuộc họp của Chính phủ. Từ ngày 24/6/2019 đến ngày 18/5/2020, Hệ thống đã phục vụ 15 Hội nghị, phiên họp của Chính phủ (thay thế việc in ấn, sao chụp hơn 51.000 tài liệu giấy) và thực hiện xử lý 345 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ thay thế việc phát hành 54.463 phiếu giấy, hồ sơ, tài liệu kèm theo. Hệ thống đã được tích hợp chức năng hỗ trợ các Thành viên Chính phủ theo dõi tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên Hệ thống e-Cabinet. Hiện nay, hệ thống đang được tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường mạng.

Ngày 13/3/2020, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức ra mắt Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến với Bộ, ngành, địa phương do Thủ tướng Chính phủ chủ trì. Đến nay, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đã kết nối với hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống thông tin liên quan của 12 Bộ, cơ quan ngang bộ (Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, TTTT, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ)

¹ (1) Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; (2) Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động; (3) Kê khai gia hạn nộp thuế doanh nghiệp; (4) Kê khai gia hạn nộp thuế cá nhân; (5) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trong thực hiện hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

để bước đầu kết nối 20 chế độ báo cáo, 29/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội và cập nhật dữ liệu của Tổng cục Thống kê để cung cấp các thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Văn phòng Chính phủ tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan để bổ sung, hoàn thiện Hệ thống, đơn đốc các bộ, ngành kết nối các hệ thống thông tin báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Để giải quyết nhanh các vấn đề vướng mắc, khó khăn, những câu hỏi cần giải đáp về CPĐT tại các cơ quan nhà nước. Ngày 29/11/2019, Bộ TTTT đã khai trương Trung tâm một cửa hỗ trợ triển khai CPĐT để giải đáp các vướng mắc về CPĐT, đô thị thông minh, an toàn, an ninh mạng. Trung tâm một cửa hỗ trợ triển khai CPĐT hoạt động theo cơ chế một cửa, hỗ trợ cộng tác và quản trị tri thức. Hệ thống bao gồm nhiều tính năng được bổ sung liên tục nhằm bảo đảm việc hỗ trợ triển khai CPĐT được minh bạch, kịp thời và cùng chia sẻ.

2.2. Trong các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVCTT mức độ 3 và mức độ 4

Để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVCTT mức độ 3, 4, thời gian vừa qua, Bộ TTTT đã thực hiện nhiều nội dung, cụ thể như sau:

- Đơn đốc, hỗ trợ các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh cung cấp DVCTT mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp. Ngày 19/3/2020, Bộ TTTT đã có công văn số 929/BTTTT-THH về đẩy mạnh cung cấp DVCTT mức độ 4, trong đó đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai các biện pháp quyết liệt để cung cấp DVCTT và phối hợp chặt chẽ với Bộ TTTT để có các giải pháp triển khai kịp thời.

- Phối hợp, hỗ trợ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể phát triển CPĐT năm 2020, trong đó có nhiệm vụ đẩy mạnh cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp. Ngày 11/5/2020, Bộ TTTT đã ban hành công văn số 1718/BTTTT-THH về triển khai Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến UBQG về CPĐT ngày 12/02/2020 nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai nhiệm vụ tại các bộ, ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp, sử dụng DVCTT: Thời gian vừa qua, Bộ TTTT đã thể hiện được vai trò là cơ quan điều phối triển khai CPĐT đồng bộ nói chung và triển khai DVCTT nói riêng trên phạm vi cả nước, nhất là khi CPĐT được triển khai phân tán ở các bộ, ngành, địa phương. Ngoài gửi văn bản đơn đốc, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp, Bộ TTTT còn tích cực tuyên truyền về việc cung cấp,

sử dụng DVCTT của một số bộ, ngành, địa phương điển hình trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể như: Bộ TTTT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải... và một số tỉnh/thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nam Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế... Việc tuyên truyền này sẽ nâng cao nhận thức của các bộ, ngành, địa phương trong việc cung cấp DVCTT và nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong việc sử dụng DVCTT, từ đó góp phần thúc đẩy ngày càng nhiều người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVCTT mức độ 3 và mức độ 4.

3. Về Chiến lược phát triển CPĐT giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030

Hiện nay, Bộ TTTT đã xây dựng dự thảo Chiến lược, đang tổ chức lấy ý kiến góp ý các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành. Dự kiến, tháng 7/2020, Bộ TTTT sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về xây dựng, phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030 (nội dung Nghị quyết bao gồm nội dung định hướng chiến lược và kế hoạch hành động).

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA (CSDLQG)

1. CSDL quốc gia về dân cư

Về tiến độ triển khai: Trong thời gian trước do khó khăn về nguồn vốn nên tiến độ triển khai CSDLQG về dân cư chưa đạt được kỳ vọng. Năm 2019, Bộ Công an đã tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh nguồn vốn từ các dự án khác, dự án chưa cấp bách để bố trí khoảng 1.598 tỉ đồng. Phần vốn còn lại 1.487 tỉ đồng đã được Thủ tướng chỉ đạo sẽ được bố trí trong nguồn vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2020-2025. Như vậy, hiện tại các khó khăn về nguồn vốn đã được giải quyết.

Về cấp số định danh cá nhân: Đã mở rộng phạm vi các địa phương trên toàn quốc chính thức triển khai hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp từ 38 lên 60 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 22 địa phương so với năm 2018). Triển khai hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch tại các địa phương và thực hiện cấp số định danh cá nhân cho gần 1,4 triệu trường hợp đăng ký khai sinh năm 2019 tại 680 phòng tư pháp cấp huyện và 10.696 UBND cấp xã tại 60 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ Công an tiếp tục cấp thẻ Căn cước công dân từ 14 tuổi trở lên tại 16 tỉnh, thành phố. Từ năm 2012 đến nay đã cấp được 15 triệu trường hợp.

Về kết quả thu thập dữ liệu: Bộ Công an đã tiến hành thu thập và scan phiếu trên toàn quốc. Đến tháng 12 2019, đã tiến hành quét phiếu tại 59 tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương với 80 triệu phiếu. Một số địa phương đã có dữ liệu (Hà Nội, Hải Phòng, Tây Ninh), Bộ Công an đang tiến hành lên phương án chuyển đổi để đồng bộ với nguồn dữ liệu này.

2. Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia

Về tiến độ triển khai: Trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thúc đẩy triển khai việc hoàn thiện hành lang pháp lý và thực hiện dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai và CSDL đất đai quốc gia.

Về hành lang pháp lý: Bộ Tài nguyên và Môi trường đang hoàn thiện và trình Chính phủ Nghị định quy định Hệ thống thông tin đất đai trong đó định vị vị trí, vai trò, phạm vi CSDL đất đai.

Về triển khai dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai và CSDL đất đai quốc gia. Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai hoàn thiện điều chỉnh thiết kế cơ sở cho dự án để phù hợp với tình hình thực tế. Dự án sẽ triển khai xây dựng cho 30 tỉnh, số còn lại, Bộ sẽ tiếp tục thực hiện Đề án để xây dựng và hoàn thiện dữ liệu.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp

Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào vận hành trên toàn quốc từ năm 2010. Đến cuối năm 2018, CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp hiện đang lưu trữ thông tin về đăng ký kinh doanh của hơn một triệu doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc trên toàn quốc, được kết nối chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Hệ thống thông tin của Tổng cục Thuế để cấp mã số doanh nghiệp.

Hiện nay, CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp đang thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) của Bộ TTTT.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính

Ngày 01/11/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2376/QĐ-BTC phê duyệt Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính”. Đề án đã xác định mô hình tổng thể xây dựng CSDLQG về Tài chính; quy định về mục tiêu, quy mô, phạm vi, đối tượng của CSDLQG về Tài chính; mối quan hệ giữa các CSDL chuyên ngành và thành phần thông tin cơ bản của CSDLQG về Tài chính; đánh giá sơ bộ tính khả thi, hiệu quả của việc xây dựng CSDLQG về Tài chính.

Thực hiện Quyết định số 2376/QĐ-BTC, nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách để triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính”, Bộ Tài chính đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án; ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tại Quyết định số 1078/QĐ-BTC ngày 09/6/2017 của Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án.

5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

Ngày 14/5/2020, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 71/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang thực hiện triển khai xây dựng dự thảo Nghị định quy định CSDLQG về bảo hiểm và sẽ trình Chính phủ trong tháng 9 năm 2020. Nghị định dự định sẽ quy định phạm vi của CSDLQG về bảo hiểm, cập nhật, khai thác dữ liệu trong CSDLQG về Bảo hiểm và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Về việc tạo lập dữ liệu xây dựng CSDLQG về Bảo hiểm, trong thời gian qua, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xây dựng các CSDL nghiệp vụ chuyên ngành làm gốc để hình thành nên CSDLQG về Bảo hiểm như CSDL hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế; CSDL quản lý thu, sổ, thẻ; CSDL quản lý và giải quyết hưởng chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thu thập được thông tin cá nhân của 93 triệu người. Tuy nhiên, các dữ liệu này mới đang nằm trong các CSDL chuyên ngành của bảo hiểm xã hội. Trong thời gian tới, Bảo hiểm xã hội Việt Nam sẽ thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp vào CSDLQG về Bảo hiểm để bảo đảm CSDLQG về Bảo hiểm sẽ là CSDL lõi, làm cơ sở để đồng bộ giữa các CSDL chuyên ngành về bảo hiểm và tham chiếu đến các CSDLQG khác.

6. Việc ban hành các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung

Ngày 09/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số. Nghị định này sau khi ban hành sẽ giải quyết được một số vấn đề trong quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu như sau:

Thứ nhất, quy định về danh mục CSDL trong các cơ quan nhà nước. Yêu cầu các CSDLQG và CSDL các bộ ngành địa phương phải xác định rõ nội hàm, phạm vi. Xác định CSDLQG chứa dữ liệu chủ đề làm cơ sở thống nhất các CSDL có liên quan.

Thứ hai, CSDL trong cơ quan nhà nước được chia sẻ mặc định. CSDL xây dựng phải tính đến phục vụ mục đích chia sẻ dữ liệu ra bên ngoài, chia sẻ phải theo hướng dịch vụ. Dịch vụ phải công khai để cho các cơ quan nhà nước khác

biết và kết nối, yêu cầu khai thác. Quy trình kết nối, chia sẻ dữ liệu được quy định rõ ràng (trước đây không có và thực hiện theo mỗi cơ quan một kiểu). Có cơ chế kiểm soát các vấn đề vướng mắc phát sinh và xác định trách nhiệm giải quyết vướng mắc đó.

Thứ ba, chất lượng dữ liệu trước nay bỏ ngỏ thì nay đã được quy định dữ liệu phải được quản trị, kiểm kê, đánh giá hàng năm.

Thứ tư, dữ liệu mở chưa được quy định thì nay được quy định mở theo lộ trình, kế hoạch, cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm xây dựng kế hoạch mở dữ liệu của mình.

Thứ năm, Công dữ liệu quốc gia, Hệ thống dịch vụ dữ liệu được xây dựng thì việc giải quyết yêu cầu chia sẻ dữ liệu sẽ thực hiện trên môi trường mạng. Điều này tạo sự minh bạch và thuận lợi cho các cơ quan khi chia sẻ dữ liệu.

III. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, HƯỚNG DẪN VÀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH THÀNH PHỐ THÔNG MINH HIỆN NAY

Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian vừa qua, Bộ TTTT đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh Việt Nam (phiên bản 1.0) tại Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019, đây sẽ là căn cứ cho việc xây dựng, phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam.

- Công bố Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (phiên bản 1.0) tại văn bản số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019. Bộ chỉ số này giúp chính quyền địa phương theo dõi, kiểm soát sự phát triển của đô thị theo những mục tiêu đã xác định của giai đoạn cũng như hướng đến nâng mức độ phát triển của đô thị.

- Ngày 22/11/2019, Bộ TTTT đã ban hành văn bản số 4176/BTTTT-THH về việc hướng dẫn triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh với mục đích hướng dẫn các địa phương triển khai thí điểm một số dịch vụ cơ bản trong phạm vi hẹp với thời gian triển khai thí điểm là trong năm 2020 để đánh giá trước khi xem xét, triển khai các nội dung với quy mô lớn hơn.

Đến nay, Bộ TTTT đang thực hiện hướng dẫn cho 19 địa phương. Trong quá trình hướng dẫn triển khai thí điểm, Bộ TTTT tiếp tục hướng dẫn các nội dung chuyên môn để các địa phương tham gia thí điểm thực hiện bao gồm hướng dẫn mô hình Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, hướng dẫn các yêu cầu chức năng đối với hệ thống trong triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh.

Bộ TTTT dự kiến sẽ phối hợp với các địa phương tham gia thí điểm đánh giá sơ kết kết quả thực hiện vào tháng 6 năm 2020 và đánh giá tổng kết kết quả thí điểm vào tháng 12 năm 2020.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- TTr Nguyễn Thành Hưng (để b/c);
- PCVP Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, VP, TKTH.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Bùi Hoàng Phương